

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21/6/2021

Về việc tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Phai**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Nhận**
Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Trần Thị Đèo** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G tham gia phiên tòa:* Bà **Phan Thị Thanh Thúy**, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 525/2021/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “Xin ly hôn và nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐST – HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Võ Thanh T**, sinh năm 1995
+ Địa chỉ: Ấp Thuận Lợi A1, xã T, huyện P, tỉnh H. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
- Bị đơn: Anh **Trương Chí H**, sinh năm 1991
+ Địa chỉ: Ấp 19, xã P, thị xã G, tỉnh B (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai Võ Thanh T trình bày:

Chị Võ Thanh T và anh Trương Chí H chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã P. Quá trình chung sống bất đồng quan điểm sống, có nhiều mâu thuẫn, có nhiều lần hàn gắn nhưng thành, cuộc

sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Vì vậy, chị Võ Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau đối với anh Trương Chí H:

Về hôn nhân chị Võ Thanh T yêu cầu ly hôn với anh Trương Chí H. Về con chung Trương Chí H, sinh ngày 03/01/2014, hiện tại đang sống với anh H, chị đồng ý giao con cho anh H nuôi dưỡng, chị T xin tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trương Chí H:

Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh H theo quy định của pháp luật, nhưng anh H vắng mặt nên Tòa án không thể làm việc được với anh H. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Trương Chí H theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đúng thời hạn. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Đối với anh Trương Chí H Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thủ tục đưa ra vụ án ra xét xử vắng mặt anh H là đúng theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thanh T đối với anh Trương Chí H.

Về con chung: Giao con chung tên Trương Chí H, sinh ngày 03/01/2014 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh H không yêu cầu.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án có đủ căn cứ nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh H theo quy định của pháp luật, nhưng anh H cố tình vắng mặt nên Tòa án không thể làm việc được với anh H. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Trương Chí H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với chị Võ Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị Võ Thanh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Vào năm 2013, chị Võ Thanh T và anh Trương Chí H tự nguyện sống chung vợ chồng với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã P, do đó hôn nhân của chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, mặc dù gia đình có hàn gắn nhưng không được, vợ chồng đã sống ly thân với nhau, không còn tình cảm. Quá trình xác minh bà Nguyễn Hồng Khai là mẹ ruột của anh H thì cho thấy nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh H, chị Khai từ khi vợ chồng đi làm ăn, xảy ra cự cãi, chị T không còn về gia đình bên chồng. Từ đó cho thấy rằng mâu thuẫn gia đình chị T và anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nhưng anh chị không thực hiện được. Do đó, căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình là có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thanh T đối với anh Trương Chí H.

[2.2] Về con chung: Trương Chí H, sinh ngày 03/01/2014, hiện tại cháu H đang sống chung với anh H, quá trình ghi nhận ý kiến cháu H có nguyện vọng sống với cha Trương Chí H. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Trương Chí H cho anh Trương Chí H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị Võ Thanh T.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Võ Thanh T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 51, khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27; tiểu mục 1.1, mục 1 phần II danh mục án phí Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thanh T đối với bị đơn anh Trương Chí H. Cho chị Võ Thanh T ly hôn với anh Trương Chí H.

2. Về quan hệ con chung: Giao người con chung tên Trương Chí H, sinh ngày 03/01/2014 cho anh Trương Chí H tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị Võ Thanh T. Chị Võ Thanh T không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản và nợ chung: Không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Võ Thanh T phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị T đã dự nộp 300.000đ tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002100 ngày 03/11/2020, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã G sẽ được chuyển thu án phí.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Đường sự;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Phai

